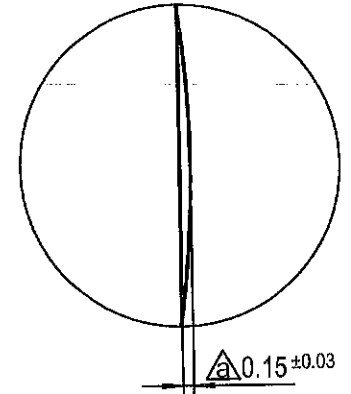
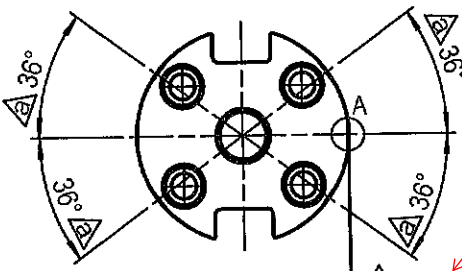
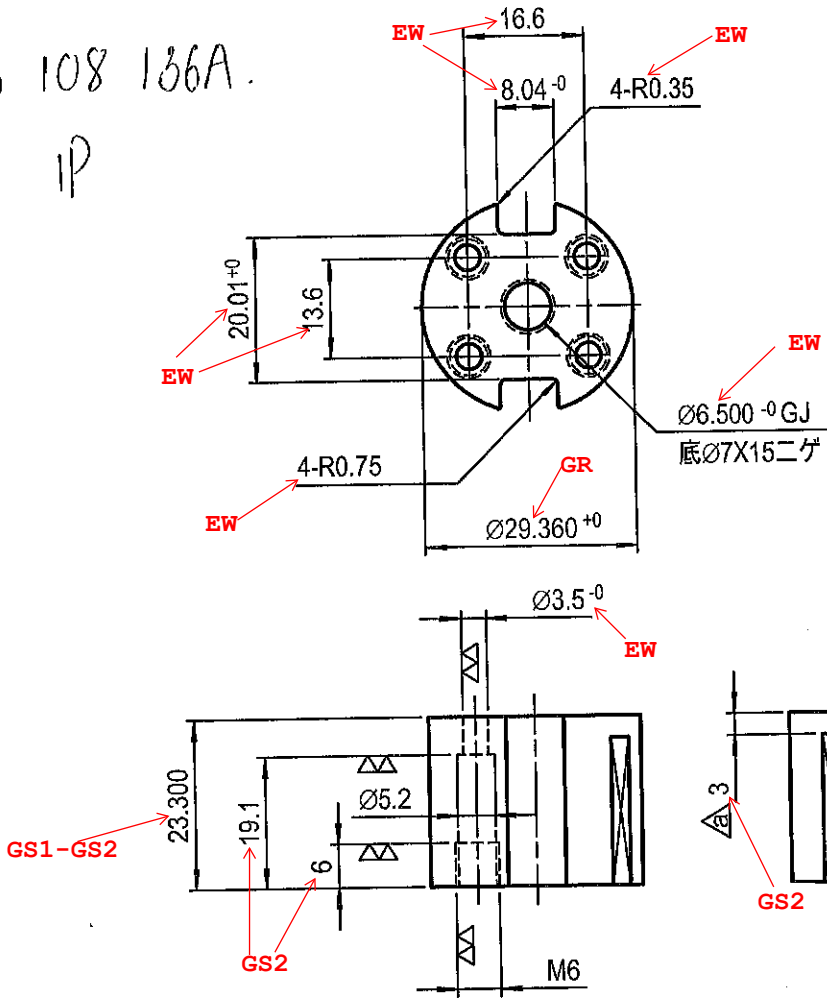


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
Init						0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△	2014/11/24	作動安定と材質変更(SKD11→WC(D30/HIP)(S628505-934991)	VDW-LK-14-033	Chen_Jing_Fu	Chang_Fu_Rung	0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
FINISH MARKS			
GJ	G	(▽)	(▽)

213 108 136A.

IP



△A部詳細(KC-022)
CONFIDENTIAL

114.2108.075

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Chen_Jing_Fu	Chang_Fu_Rung	部品図		プッシュバックプレート	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		PUSH-BACK PLATE	
HRC 0 °~ 0 °		部品図		推回板	
		部品図		推回板	
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.	S934991	
WC(D30/HIP)	2014/11/24	1:1			

T25 x 32 x 32

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

(1427 00AH

SNO: **S934991**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S934991 2.THỜI GIAN GIA CÔNG	GS:30 EW:200 GR:90 GS2:120 KT